TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/DS-PT
Ngày 27-5-2022
"V/v tranh chấp quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp về quyền cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 04 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn G, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 70, Khu 8, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Long An (giấy ủy quyền ngày 26/2/2020), có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Lê Công K, sinh năm 1971;

2.2. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Số 430, Ấp 4, xã K, huyện Đ, Long An, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1966;

3.2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1947;

3.3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1959;

3.4. Ông Lê Văn T, sinh năm 1961;

3.5. Ông Lê Phước T, sinh năm 1975;

3.6. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1946;

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Q, ông Lê Văn N, bà Lê Thị T, ông Lê Văn T, ông Lê Phước T và bà Phan Thị Đ: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Số 70, Khu 8, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Long An (giấy ủy quyền ngày 26/2/2020), có mặt.

3.7. Anh Cổ Văn K, sinh năm 1976;

3.8. Chị Thái Thị Kim C, Sinh năm: 1979;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Thái Thị Kim C: Anh Cổ Văn K, sinh năm: 1976;

Cùng địa chỉ: ấp Cầu Xây, xã T, huyện C, tỉnh Long An (giấy ủy quyền ngày 31/5/2021), có mặt.

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Đ là ông Huỳnh Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ông Lê Văn G; lời khai của ông Huỳnh Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Các thửa đất số 245, 124, 288,168 của ông Lê Văn G; 558, 122, 503 của ông Lê Văn N; 204, 205, 167 của ông Lê Văn T; 97, 541 của bà Phan Thị Đ và ông Lê Phước T cùng thuộc tờ bản đồ số 01. Các thửa đất số 114, 115, 117, 118, 119 của ông Lê Văn Q; 1304, 1035, 116 cùng thuộc tờ bản đồ số 02 của bà Lê Thị T. Tất cả các thửa đất trên tọa lạc tại xã Long Khê, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Quá trình sử dụng đất, ông G, ông Q, ông N, bà T, ông T, bà Đ có đặt cống thoát nước sử dụng tưới tiêu trong canh tác trồng hoa màu từ năm 1955 cho đến nay trên một phần thửa đất 1026, TBĐ số 02 (thửa mới là 100, TBĐ số 01) tọa lạc tại Ấp 4, xã K, huyện C, tỉnh Long An của anh K, chị H. Thửa đất này có nguồn gốc của cha mẹ ruột ông G và ông Lê Văn T là cụ Lê Văn Đ

và cụ Văn Thị P đều đã chết. Năm 2009, ông T tặng cho lại thửa đất này cho con ruột là anh Lê Công K, từ khi anh K đứng tên giấy CNQSDĐ thì anh K cản trở không cho ông G và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đất phía trong sử dụng đường thoát nước. Ông G có báo chính quyền địa phương giải quyết và yêu cầu được đặt cống ngầm thì anh K đồng ý nhưng không cho sửa chữa nên cống bị nghẹt, không sử dụng được. Trên phần đất tranh chấp anh K có cắm trụ bê tông, rào lưới B40 và xây một phần nhà tạm. Từ khi anh K không cho sử dụng đường thoát nước thì ông G và các hộ phía trong vẫn tiếp tục trồng hoa màu, tự đào ao để có nguồn nước sử dụng và dùng máy bơm để thoát nước ra bên ngoài. Ngoài đường thoát nước này thì không còn đường thoát nước nào khác nên ảnh hưởng rất lớn đến việc trồng hoa màu. Nay, ông G yêu cầu được quyền sử dụng thửa đất 1026, TBĐ số 02 (thửa mới là 100, TBĐ số 01) để sử dụng làm đường thoát nước đảm bảo cho việc tưới tiêu, ông G tự nguyện hoàn trả giá trị đất và tài sản có trên đất cho anh K số tiền 143.137.000đồng theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức ngày 21/02/2019. Ông G sẽ cho ông Q, ông N, bà T, ông T, ông Tồn, bà Đ sử dụng chung đường thoát nước của ông G nên các ông bà không có yêu cầu gì trong vụ án này cũng như không có ý kiến gì về việc ông G yêu cầu được sử dụng thửa đất.

Đối với vợ chồng anh Cổ Văn K và chị Thái Thị Kim C đặt cọc nhận chuyển nhượng thửa đất này với vợ chồng anh K với giá 550.000.000đồng thì hai bên tự giải quyết với nhau và ông G không yêu cầu hủy hợp đồng đặc cọc này.

Theo đơn phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Công K và chị Bùi Thị H trình bày như sau:

Anh K có thửa đất 1026, TBĐ số 02 (thửa mới là 100, TBĐ số 01), tọa lạc tại Ấp 4, xã K, huyện C, tỉnh Long An. Nguồn gốc đất là của ông bà nội của anh là cụ Lê Văn Đ và cụ Văn Thị P cho cha của anh là ông Lê Văn T và anh được ông T tặng cho vào năm 2009, anh đã được UBND huyện Cần Đước cấp giấy CNQSDĐ số BA 290318 ngày 30/12/2009. Trước năm 2009 anh cùng sử dụng chung với ông T, sau khi được tặng cho anh tiếp tục sử dụng cho đến nay, anh có cắm trụ bê tông, rào lưới B40 và có xây 01 nhà bếp trên đất. Thời điểm anh được tặng cho thì ông G đã đặt cống thoát nước nhưng cụ thể năm nào thì anh không rõ. Năm 2017 ông G xin mở rộng thêm đường thoát nước, anh không đồng ý và có yêu cầu ông G phải di dời cống thoát nước ra phía ngoài hàng rào vì khi làm hàng rào anh đã chừa ngang 01 mét và hết chiều dài thửa đất để làm lối đi công cộng và ông G cũng sử dụng phần đường này đi vào nhà ông G nên ông G có thể đặt cống thoát nước ở vị trí này hiện nay là khu A1 Mảnh trích đo địa chính số nhưng ông G không đồng ý. Hiện nay, ông G và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đường thoát nước mới đi qua một phần thửa đất khác của anh là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 2 (thửa mới là 98, tờ bản đồ số1), anh cam kết sẽ cho họ tiếp tục sử dụng đường thoát nước mới này. Ngoài

ra, thửa đất trên vợ, chồng anh đã chuyển nhượng cho anh Cổ Văn K và chị Thái Thị Kim C với giá 550.000.000đồng và hai bên đã tiến hành đặt cọc nhưng do đất có tranh chấp nên đến nay vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, thửa đất này vợ chồng anh vẫn còn đang quản lý, sử dụng.

Nay ông G yêu cầu được sử dụng thửa đất 1026 (thửa mới là 100) để làm đường thoát nước và hoàn giá trị đất cho anh số tiền 143.137.000đồng vợ, chồng anh không đồng ý. Tại đơn phản tố anh có yêu cầu ông G phải tự thu hồi đường cống thoát nước ra khỏi đất của anh và san lấp lại cho bằng phẳng, ông G phải trả lại mặt bằng ngang 1m; dài 26,6m thuộc thửa 1026 (thửa mới là 100) mà trước đó ông G đã sử dụng làm đường vô nhà ông G hiện nay có vị trí khu A1 theo Mảnh trích đo địa chính số 03LKBS-2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 27/11/2020; Đồng thời, yêu cầu ông G trả 500.000đồng tương đương 02 ngày công (ngày 22/6/2020 Tòa án mời nhưng ông G không đến) do việc thưa kiện của ông G làm thiệt hại kinh tế gia đình anh. Ngày 25/11/2021 vợ chồng anh có đơn rút lại một phần yêu cầu phản tố. Nay anh xác định vợ chồng anh rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cổ Văn K và anh K đại diện cho chị Thái Thị Kim C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào ngày 14/01/2020, vợ chồng anh có hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng thửa đất số 1026, TBĐ số 02 (thửa mới là 100, TBĐ số 01), diện tích 133m^2, đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc xã Long Khê, huyện Cần Đước, tỉnh Long An của vợ chồng anh Lê Công K và chị Bùi Thị H, với giá chuyển nhượng là 550.000.000đồng, vợ chồng anh đã đặt cọc tổng cộng số tiền 250.000.000đồng, nhưng sau đó do đất bị tranh chấp nên hai bên chưa tiến hành hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Thực tế khi đặt cọc nhận chuyển nhượng thửa đất này thì anh đã biết là anh K đã chừa ra 01m ngang để làm lối đi công cộng hiện nay có vị trí khu A1, diện tích 31,5m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 03LKBS-2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 27/11/2020 và anh cũng thống nhất. Nay ông G tranh chấp thửa đất này với vợ chồng anh K thì anh không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này, tự vợ chồng anh và vợ chồng anh K giải quyết với nhau.

Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 252 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn G đối với bị đơn anh Lê Công K và chị Bùi Thị H về việc yêu cầu được sử dụng thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 02 (thửa mới là 100, TBĐ số 01), diện tích 133m^2, (diện tích đo đạc thực tế là 133.9m^2, theo Mảnh trích đo địa chính số 01 LK 2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Đước duyệt ngày 29/01/2019, Mảnh trích đo địa chính số 03LKBS-2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 27/11/2020), đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại Ấp 4, xã K, huyện C, tỉnh Long An, của anh K và chị H để làm đường thoát nước.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn anh Lê Công K và chị Bùi Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn G phải tự thu hồi đường cống thoát nước ra khỏi thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 02 (thửa mới là 100, TBĐ số 01), diện tích 133m^2, đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại Ấp 4, xã K, huyện C, tỉnh Long An, của anh K, chị H và san lấp lại cho bằng phẳng; Ông G phải trả lại mặt bằng ngang 1m; dài 26,6m thuộc thửa đất 1026 (thửa mới là 100) mà trước đó ông G đã sử dụng làm đường vô nhà ông G; Đồng thời, yêu cầu ông G trả 500.000đồng tương đương 02 ngày công (ngày 22/6/2020 Tòa án mời nhưng ông G không đến).

3.Về án phí, chi phí tố tụng:

3.1.Về án phí: Ông Lê Văn G phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 3.578.000đồng tạm ứng án phí ông G đã nộp tại biên lai số 0008171 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, ông G được hoàn lại 3.278.000đồng.

Anh Lê Công K và chị Bùi Thị H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 0008688 ngày 16/7/2020, 300.000đồng tại biên lai số 0008689 ngày 16/7/2020, 788.000đồng tại biên lai số 0005633 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

3.2.Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn G phải chịu 2.700.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 27/12/2021, ông Huỳnh Văn T là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Lê Văn G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và sẽ hoàn lại tiền theo chứng thư thẩm định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ông Huỳnh Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Q, ông Lê Văn N, bà Lê Thị T, ông Lê Văn T, ông Lê Phước T, bà Phan Thị Đ trình bày: 01 phần thửa đất số 100, tờ bản đồ số 01, diện tích 133m^2 tiếp giáp với kênh Trị Yên thời gian dài được thân tộc sử dụng để tưới tiêu nước trong canh tác khu vực 20 ha. Thời gian qua chỉ hạn chế quyền sử dụng đất dưới hình thức đặt cống ngầm được ông Lê Văn T là cha của anh Lê Công K đồng ý. Tuy nhiên, từ khi anh K nhận đất tặng cho từ ông T vào năm 2009 thì anh K đã ngăn cản không cho sử dụng đường cống ngầm đã xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án kéo dài mùa mưa không thoát nước được, ngập úng gây thiệt hại nên có tạm thời tháo nước vòng qua thửa đất 541 của bà Đ chờ Tòa án giải quyết. Nhưng khi thẩm định Tòa án thấy có đường thoát nước tạm thời đã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy đường thoát nước qua thửa 100 đã được hình thành và sử dụng thời gian dài thuận tiện cho việc tưới tiêu nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có liên quan.

Bị đơn vợ chồng anh Lê Công K – chị Bùi Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như trình bày ở cấp sơ thẩm và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cổ Văn K giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm và không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo, nhận thấy:

Đối với đường thoát nước tại thửa 1026 các hộ nằm phía trong các đương sự thống nhất đặt từ lâu, khi làm hàng rào ông Khánh đã chừa ngang 01 mét và hết chiều dài thửa đất để làm lối đi công cộng, ông G cũng sử dụng phần đường này đi vào nhà nên ông G có thể đặt cống thoát nước ở vị trí này hiện nay là khu A1, diện tích 31,5m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 03LKBS-2020 của

Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 27/11/2020 nhưng ông G không đồng ý. Phía ông Khánh trình bày đã lấp đường thoát nước cũ có trên một phần thửa 1026 và đã cho ông G mở đường thoát nước mới đi qua một phần thửa đất khác của ông là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 2 (thửa mới là 98, tờ bản đồ số 1) diện tích 226m^2, đất trồng cây hàng năm khác do ông đứng tên giấy CNQSDĐ, điều này phù hợp với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2020. Đường nước này mở đi qua đất ông Lê Văn Sậu – ông Sậu được cấp Giấy ngày 31/12/2010 nhưng theo GCNQSD đất cấp ngày 31/10/2019 thể hiện thửa 97, 541 hiện nay đứng tên bà Đ). Do đó, phía nguyên đơn cho rằng ngoài đường thoát nước đi qua một phần thửa 1026 thì không còn đường thoát nước nào khác là không có cơ sở.

Như vậy, ông Khánh đã mở đường thoát nước mới đi qua một phần thửa đất khác của ông là thửa đất số 56 (thửa mới là 98) diện tích 226m^2, ông Khánh, bà Hương cũng cam kết cho ông G và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục sử dụng đường thoát nước mới này. Theo quy định tại Điều 246, 252 BLDS 2015 về quyền đối với bất động sản liền kề và quyền về cấp thoát nước qua bất động sản liền kề, việc thoát nước qua bất động sản liền kề phải có sự thỏa thuận giữa các bên và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua khi lắp đặt đường dẫn nước, do ông Khánh đang chuyển nhượng thửa 1026 nên đã tạo đường thoát nước mới trên thửa đất khác của ông cho các hộ nằm phía trong, liền kề các thửa 1026, 1027, 56 (thửa mới 100, 99, 98) sử dụng thoát nước là phù hợp quy định của pháp luật. Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G là có căn cứ, kháng cáo của ông Lê Văn G và bà Phạm Thị Đẳng không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn G, bà Phan Thị Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015: giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Huỳnh Văn T đại diện cho nguyên đơn ông Lê Văn G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo thấy rằng:

Tuy đường cống thoát nước có từ lâu đời nằm trên 01 phần thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 02 (thửa mới là 100, TBĐ số 01), diện tích 133m^2 có nguồn gốc của cha mẹ ông Lê Văn G và ông Lê Văn T, sau khi cha mẹ đều qua đời thì để lại cho ông T và không ai tranh chấp, năm 2009 ông T tặng cho lại cho con là anh Lê Công K. Từ đó anh K không cho các hộ sử dụng đất nêu trên ở phía trong sử dụng để làm đường thoát nước nữa và cống bị nghẹt, kể từ đó các hộ bên trong thoát nước xung quanh đất của mình, còn đất của anh K trên đó

có đường cống thì ông cất nhà tạm trên đất và rào lại, có chừa ra 01 phần làm lối đi công cộng. Như Viện kiểm sát phân tích vị trí các thửa đất của nguyên đơn và những người liên quan nằm phía trong, liền kề các thửa đất số 1026, 1027, 56 (thửa mới lần lượt là 100, 99, 98) của bị đơn nên theo quy định tại Điều 252 BLDS về quyền cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn để dành ra một lối thoát nước thích hợp, điều này được đáp ứng trước tiên phải dựa trên cơ sở sự thỏa thuận giữa các bên. Nguyên đơn yêu cầu được sử dụng thửa đất tranh chấp để làm đường thoát nước nhưng phía bị đơn không đồng ý, tại phiên tòa ông Huỳnh Văn T trình bày thời gian qua có đường thoát nước tạm trên đất của bà Đ chờ Tòa án giải quyết. Mặt khác căn cứ vào biên bản thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2020 nhận thấy đường thoát nước mà các bên tranh chấp không phải là đường thoát nước duy nhất mà hiện tại nguyên đơn cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sử dụng đường thoát nước khác được mở trên phần đất thuộc 01 phần thửa đất 98 của bị đơn và trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn cũng cam kết sẽ cho nguyên đơn và những người liên quan tiếp tục sử dụng phần đất thuộc thửa 98 của bị đơn để làm đường thoát nước qua 01 phần thửa đất 541 của bà Đ để ra kênh Trị Yên. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Lê Công K và chị Bùi Thị H. Tại phiên tòa sơ thẩm anh K, chị H rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T đại diện cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn G phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Phan Thị Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đ.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Lê Văn G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 157, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 252 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn G đối với bị đơn anh Lê Công K và chị Bùi Thị H về việc yêu cầu được sử dụng thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 02 (thửa mới là 100, TBĐ số 01), diện tích 133m^2, (diện tích đo đạc thực tế là 133.9m^2, theo Mảnh trích đo địa chính số 01 LK 2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Đước duyệt ngày 29/01/2019, Mảnh trích đo địa chính số 03LKBS-2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 27/11/2020), đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại Ấp 4, xã K, huyện C, tỉnh Long An, của anh K và chị H để làm đường thoát nước.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn anh Lê Công K và chị Bùi Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn G phải tự thu hồi đường cống thoát nước ra khỏi thửa đất số 1026, tờ bản đồ số 02 (thửa mới là 100, TBĐ số 01), diện tích 133m^2, đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại Ấp 4, xã K, huyện C, tỉnh Long An, của anh K, chị H và san lấp lại cho bằng phẳng; Ông G phải trả lại mặt bằng ngang 1m; dài 26,6m thuộc thửa đất 1026 (thửa mới là 100) mà trước đó ông G đã sử dụng làm đường vô nhà ông G; Đồng thời, yêu cầu ông G trả 500.000đồng tương đương 02 ngày công (ngày 22/6/2020 Tòa án mời nhưng ông G không đến).

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

3.1. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn G phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 3.578.000đồng tạm ứng án phí ông G đã nộp tại biên lai số 0008171 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, ông G được hoàn lại 3.278.000đồng.

Anh Lê Công K và chị Bùi Thị H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 0008688 ngày 16/7/2020, 300.000đồng tại biên lai số 0008689 ngày 16/7/2020, 788.000đồng tại biên lai số 0005633 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng án phí ông G đã nộp tạm ứng tại biên lai thu số 0005721 ngày 29/12/2021 (do ông Tân nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Ông G đã nộp xong. Bà Đ được miễn án phí theo quy định.

3.3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn G phải chịu 2.700.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp xong.

4. Về Hướng dẫn thì hành án Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Những